

# DI SẢN VĂN HÓA TRẦU CAU CỦA NGƯỜI VIỆT

LÊ THỊ TUYẾT\*

**T**heo truyền thuyết và thư tịch, tục ăn trầu ở Việt Nam đã có từ thời các vua Hùng dựng nước. Trải qua bao biến đổi của đời sống xã hội, tục ăn trầu và mời trầu vẫn là một trong những phong tục cổ truyền có sức sống bền bỉ trong đời sống của người Việt, tồn tại cho đến ngày nay trong xã hội nông thôn và đã được biểu trưng hóa qua các nghi lễ tâm linh. Một miếng trầu têm là sự hòa hợp đến vi diệu của nhiều yếu tố. Quả cau ruột vàng, lá trầu xanh, vôi trắng, vỏ nâu non... chỉ đơn giản vậy thôi đã tạo nên một triết lý “mở”, triết lý “hòa hợp”, triết lý “nghĩa tình” thấm đượm trong một miếng trầu cay.

Ăn trầu không phải là phong tục chỉ có của người Việt, mà còn khá phổ biến ở vùng nhiệt đới châu Á, Trung Á, Đông Nam Á và một số quần đảo trên Thái Bình Dương. Tuy nhiên, ngôn ngữ của trầu cau ở mỗi dân tộc có sự khác nhau. Ở người Việt, miếng trầu biểu trưng cho lối ứng xử giao tiếp giữa các mối quan hệ trong đời sống xã hội, là phương tiện để biểu lộ tình cảm con người với nhau. Qua miếng trầu và cách mời trầu, người xưa đã gửi gắm các cung bậc tình cảm: yêu hay ghét, xã giao hay chân tình... một cách tế nhị:

*Yêu nhau cau sáu bỏ ba*

*Ghét nhau cau sáu bỏ ra làm mười*

Miếng trầu cũng là ngôn ngữ biểu đạt nghệ thuật nhận lời hay chối từ trong tình cảm nam nữ :

*Đi đâu cho đỡ mở hôi*

*Chiếu trải không ngồi, trầu để không ăn*

*Thưa rằng bác mẹ em răn*

*Làm thân con gái chớ ăn trầu người*

Hay:

*Miếng trầu ăn nặng bằng chì*

*Ăn rồi em biết lấy gì trả ơn?*

Thông thường miếng trầu hay còn gọi là khẩu trầu bao gồm lá trầu xanh têm sẵn, trong quệt chút vôi trắng, kèm theo một miếng cau vàng. Tùy theo sở thích, người ta còn có thể dùng kết hợp trầu cau với vôi vò chay, vôi quế và thuốc Lào. Sự kết hợp hoàn hảo này đã đưa đến cho người ăn một cảm giác đặc biệt: đó là vị ngọt của cau; cay, thơm của tinh dầu từ lá trầu; chát của hạt và vỏ... Sự hòa quyện đó làm cho cơ thể con người ấm lên bởi sinh khí có trong vôi và cảm giác hơi chệnh choáng men say được tạo ra từ chất arécoline trong hạt cau.

Ngoài tác dụng tốt cho sức khỏe, ăn trầu còn có tác dụng làm đẹp. Chất polyphenol trong lá trầu có tác dụng kháng khuẩn, chất arécoline trong hạt cau bị chất vôi trung hòa, làm cho miếng trầu có sắc đỏ tươi làm người ăn thắm đôi môi, hồng đôi má và long lanh đôi mắt... Kích thích hệ tuần hoàn và hệ thần kinh, giúp con người tăng cường sinh lực và câu chuyện tâm tình cũng vì thế mà thêm cởi mở. Người con gái “má hồng, môi đỏ” do ăn trầu, cười lộ hàm răng đen huyền do tục ăn trầu, nhuộm răng đen đã từng trở thành tiêu chí để xác định “nét đẹp” của giới nữ trong xã hội truyền thống:

*Mình về mình nhớ ta chẳng*

*Ta về ta nhớ hàm răng mình cười*

*Năm quan mua lấy miệng cười*

*Mười quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen.*

Trong đời sống hàng ngày, “miếng trầu là đầu câu chuyện”, biểu hiện mỗi giao cảm tâm tình của con người. Trầu được dùng mời khách đến chơi nhà, làm quen với nhau nơi hội hè, đình đám:

*Gặp nhau ăn một miếng trầu*

*Gọi là nghĩa cũ về sau mà chào*

Hay:

*Tiền đây ăn một miếng trầu*

\* Bảo tàng Lịch sử quốc gia

*Hỏi rằng quê quán ở đâu chẳng là?*

*Xưa kia ai biết ai đâu*

*Chỉ vì miếng thuốc, miếng trâu nên quen*

Trâu cau gắn bó với người Việt đến mức nó đã trở thành lễ vật không thể thiếu trong các nghi thức tâm linh như: Lễ tế Trời đất, lễ Phật, lễ thánh, thần, lễ gia tiên... Trong đời sống xã hội của cư dân nông nghiệp xưa, cau trâu xuất hiện trong mọi hoàn cảnh lễ nghi đời thường như: cưới xin, ma chay, khao vọng... Người dân "có việc" muốn trình quan nhất thiết phải có coi trâu, trong nhà có tang trình báo với làng để lo tang lễ hoặc cha mẹ dựng vợ gả chồng cho con cái, báo hỷ với họ hàng, làng xóm, bạn bè cũng bắt đầu từ coi trâu. Đặc biệt, trai gái nên duyên cũng bắt đầu từ "ngôn ngữ" trâu cau: nhận trâu cũng có nghĩa là nhận lời cầu hôn, bởi "miếng trâu nên dâu nhà người":

*Miếng trâu là nghĩa tương giao,*

*Muốn cho đây đây duyên vào hợp duyên*

Ăn trâu rất phổ biến trong cuộc sống của người Việt và tục mời trâu đã là đặc trưng trong cách ứng xử lịch sự, thâm thúy và "siêu ngôn ngữ" (Trần Quốc Vượng, "Triết lý trâu cau") của người Việt truyền thống, biểu trưng cho triết lý "mở" của cư dân nông nghiệp lúa nước.

Ngược dòng lịch sử, chúng ta có thể thấy tục lệ ăn trâu ở nước ta đã xuất hiện từ rất sớm, không chỉ được biết đến qua tình cảm vợ chồng thủy chung, anh em son sắt trong truyền thuyết "Sự tích trâu cau", mà còn được minh chứng bởi những dấu tích có sức thuyết phục khác. Đó là vào năm 1974, khi ngôi mộ cổ quan tài hình thuyền tại xã Châu Can, huyện Phú Xuyên, Hà Nội có niên đại cách ngày nay 2000 - 2500 năm được phát lộ. Trong ngôi mộ thuyền này người ta đã phát hiện bộ xương của một nam giới ở độ tuổi ngoài 60 còn khá nguyên vẹn cùng với một số đồ dùng chôn theo. Điều đặc biệt đáng chú ý ở đây là hàm răng tuy là đã mòn hết nướm răng, nhưng vẫn còn đầy đủ. Đó là hai hàm răng đen, đều đặn và chắc. Đây là một trong những bằng chứng khảo cổ học cho thấy tục ăn trâu, nhuộm răng đen đã khá phổ biến trong đời sống của người Việt thời kỳ này.

Liên quan đến tục ăn trâu là bộ dụng cụ khá phong phú. Tuy nhiên, di vật cổ nhất còn lại đến ngày nay là chiếc bình vôi mang niên đại thế kỷ IV, khai quật được trong ngôi mộ cổ thời Bắc thuộc. Số còn lại gồm ống nhỏ, cối giã trâu, chia ngoáy, xà tích, chia vôi, coi, khay, hộp, khăn, túi, âu đựng trâu... thì hầu như có niên đại từ thời Lý, Trần, Lê, Nguyễn cho đến ngày nay.

Cũng bởi "ba đồng một mớ trâu cay" nên miếng trâu vì vậy, không bị chi phối bởi đẳng cấp giàu nghèo. Dù giàu hay nghèo, dù là vua chúa hay dân thường, dù người Kinh hay các tộc thiểu số ai cũng có khả năng thể hiện tâm lòng của mình, có khác chẳng chỉ là ở dụng cụ ăn trâu. Bằng chứng là trong ngôi mộ hợp chắt được xác định là thi hài vua Lê Dụ Tông, đã phát hiện một túi đựng trâu bằng gấm và một hộp hình quả cau hiện vẫn còn khá nguyên vẹn. Trong kho tàng di sản văn hóa trâu cau đặc sắc đang được lưu giữ và trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia, du khách sẽ được tận mắt chiêm ngưỡng từ những dụng cụ ăn trâu xa hoa trong Hoàng cung, của tầng lớp quý tộc cho đến tầng lớp bình dân trong xã hội. Rất dễ để nhận biết đồ ngự dụng trong cung vua, phủ chúa bởi, hầu hết chúng được tạo dáng rất độc đáo, trang trí hoa văn cầu kỳ, tinh xảo và đặc biệt là được làm từ các chất liệu quý như vàng, bạc, ngọc, ngà, đồi mồi, thủy tinh, đồng, gốm, gấm... Còn đồ bình dân thì đơn giản hơn về kiểu dáng cũng như hoa văn trang trí và chất liệu cũng rẻ tiền và dễ kiếm như sắt, gỗ, vỏ ốc, mây, tre, vải...

Trong bộ dụng cụ ăn trâu kể trên thì bình vôi là quan trọng nhất. Chúng được làm bằng gốm với nhiều màu sắc khác nhau, thường có dáng hình cầu hoặc hình cầu dẹt, gắn quai xách và trang trí khá đẹp mắt. Phổ biến nhất là mô tuýp trang trí đắp nổi dây trâu quấn quýt chùm cau hoặc cầu kỳ hơn là rồng, phượng, nghê, giảo long, tôm... Lạ mắt nhất là bình vôi có quai xách cách điệu tạo dáng hình một buồng cau. Trên vai bình được khoét một lỗ tròn dùng chia ngoáy vôi để tằm trâu. Bình vôi được dân gian rất coi trọng, khi bình vôi hỏng hoặc đặc ruột do vôi lâu ngày cứng lại không dùng được nữa thì người ta không vứt đi mà đem ra xếp ở gốc đa hoặc để trong đình làng - nơi thần linh trú ngụ. Điều đó có lẽ xuất phát từ việc con người đã thần thánh hoá vai trò quan trọng của vôi trong một miếng trâu. Về góc độ khoa học thì vôi kết hợp với chất arécoline trong hạt cau tạo nên màu đỏ quỳn rữ và men say của miếng trâu, nhưng trong tâm tưởng của cư dân Việt, nó đã mang màu sắc tâm linh. Bởi, ngay từ thời nguyên thủy màu đỏ đã được coi là màu của sinh khí, màu của sự sống và vôi tuy mang màu trắng nhưng lại chứa sinh khí của trời đất, vì vậy, bình đựng vôi cũng là nơi tích tụ sinh khí. Người ăn trâu nhận được nguồn sinh khí ấy, được bổ sung thêm năng lượng nên tăng cường sinh lực, má hồng, môi đỏ và đạt tới sự

thăng hoa trong cuộc sống. Cũng chính vì tính linh thiêng ấy mà bình vôi được chế tác khá cầu kỳ và chúng đã trở thành những tác phẩm nghệ thuật ghi lại dấu ấn của từng triều đại trong lịch sử chế độ phong kiến nước ta. Trong xã hội Việt Nam truyền thống, bình vôi được coi trọng như một vị thần nên được gọi là "Ông bình vôi" hay "Ông vôi"...

Ăn trâu là một thói quen của mọi người, mọi lứa tuổi. Dành riêng cho người cao tuổi, răng yếu là cối và chia ngoáy. Hình ảnh bà cụ già lưng còng dùng cối và chia ngoáy làm dập trâu trước khi nhai đã trở thành biểu tượng cho lối sống thanh bình của một vùng quê, mà cho đến ngày nay chúng ta vẫn còn gặp lại trong nghệ thuật điện ảnh và thi ca Việt Nam. Dụng cụ này chủ yếu được làm bằng kim loại, chủ yếu là chất liệu đồng<sup>1</sup>, có kích thước và hình dáng nhỏ như một cái chum uống rượu, vừa đủ để giã dập một miếng trâu.

Để tằm trâu, mời trâu là hàng loạt các dụng cụ như khác như: khay, giỏ, cối, tráp, hộp, âu... Chúng được dùng để đựng tất cả các vị làm nên một miếng trâu như: trâu, cau, vớ, vò, thuốc và các vật dụng nhỏ như dao bở cau tạo dáng cầu kỳ hình chim phượng hoặc dao mũi nhọn để tằm trâu...

Ăn trâu và mời trâu có mặt trong mọi lúc, mọi nơi trong đời sống của người Việt nên dụng cụ ăn trâu dành cho những lúc ra khỏi nhà như đi chợ, gặp gỡ bạn bè hay đi làm ruộng, nương cũng khá phong phú. Đó là những đồ dùng như ống vôi, xà tích, khăn, túi, dĩa đựng trâu... Trong đó, ống vôi thường được làm bằng bạc hoặc đồng, đi cùng với nó là chia vôi. Ống vôi có kích thước khá nhỏ, thường được tạo dáng hình trụ tròn hoặc hình trụ đa giác gồm có hai phần thân và nắp, rất tiện dụng để đựng vôi mang theo bên người.

Vừa là một đồ trang sức nhưng cũng rất cần thiết cho việc ăn trâu của phụ nữ đó là xà tích. Xà tích thường được làm bằng bạc và gắn kèm một ống vôi, dao cau và một số vật dụng khác để tiện sử dụng cho chị em khi đi ra ngoài. Xà tích mềm mại như dải lụa trắng được đeo ở ngay bên sườn tạo nên một điểm nhấn làm tôn vẻ đẹp của phụ nữ và làm cho việc ăn trâu, mời trâu cũng trở nên có chất hữu tình.

Cách tằm trâu cũng hết sức đa dạng. Chỉ là tằm một miếng trâu mà dân gian đã tinh tế sáng tạo ra nhiều kiểu dáng khác nhau: trâu cánh phượng, trâu cánh kiếm, trâu mũi mác, trâu cánh quế... Tùy hoàn cảnh, tùy tình huống,

miếng trâu được tằm theo những cách khác nhau và ý nghĩa tượng trưng cũng rất khác nhau: Trong lễ cưới thì trâu tằm cánh phượng, cau vò trở hoa; lúc tiễn chồng ra trận thì trâu tằm mũi mác, trâu tằm cánh kiếm đầy ẩn ý với lời hẹn ước sớm thăng trận trở về...

Một điều thú vị là cây cau, dây trâu đã đi vào tâm thức người Việt một cách sâu đậm, không những được trân trọng trồng ở khoảng sân trước nhà mà ngay cả trong cung đình, ở Hoàng thành Huế, vào đời Minh Mạng (1820 - 1840), cây cau, dây trâu đã là hai trong 54 loài thảo mộc được chọn khắc trên đỉnh đồng có tên là Anh Đình (đỉnh thứ tư trong cửu đỉnh), hiện đang đặt trước sân Thế miếu, Huế.

Tục ăn trâu, mời trâu của người Việt đã trở thành nét văn hóa độc đáo, tồn tại xuyên suốt trong quá trình phát triển của lịch sử dân tộc. Nó đã trở thành biểu tượng của nghệ thuật, đã đi vào thi ca và làm nao lòng bao người con xa xứ. Ngày nay, mặc dù vẫn giữ vai trò quan trọng trong các nghi lễ truyền thống nhưng tục ăn trâu và mời trâu đang dần mai một trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, ký ức về một truyền thống đẹp vẫn còn đọng lại trong tiềm thức của nhiều thế hệ người Việt. Từ sưu tập dụng cụ ăn trâu và cùng với nó là tục mời trâu và văn hóa trâu cau qua các thời kỳ lịch sử đang được lưu giữ và trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia, bảo tàng các địa phương, các nhà sưu tập tư nhân trong và ngoài nước... một phần tính cách dân tộc, bản sắc văn hóa dân tộc được bộc lộ. Đây là một trong những nguồn tư liệu quan trọng để có một cái nhìn toàn diện hơn về văn hóa phi vật thể của Việt Nam. Chiêm ngưỡng những vật dụng liên quan đến tục ăn trâu còn lưu lại đến ngày nay chúng ta càng thêm yêu quý, trân trọng những di sản văn hóa bình dị nhưng đã làm nên một tâm hồn, một cốt cách Việt Nam./

L.T.T

### Chú thích:

1- Nhiều nhà khảo cổ học còn cho rằng, sau khi thời đại đồ đồng qua đi, dụng cụ bằng đồng không còn được sử dụng, dần bị chìm vào lòng đất trong sự quên lãng của con người. Về sau, do một cơ duyên nào đó, vô tình những người hậu sinh tìm lại được, họ không thể giải thích được nguồn gốc của các hiện vật đó, cuối cùng họ gán cho là của thần linh, tất yếu chúng linh thiêng. Và, dần dần người ta coi chất liệu đồng cũng có yếu tố linh thiêng, chứa đựng một nguồn sinh lực tiềm ẩn - Từ đó đồ đồng dù được làm mới cũng như có một sức mạnh vượt trội, trong đó đồ thờ bằng đồng đã thiêng hơn đồ bằng kim loại khác. Phải chăng ý thức đó cũng hợp với cối giã trâu.